

**TỔNG CỤC THUẾ  
CỤC THUẾ TP HÀ NỘI**

Số: 65272 /CT-TTHT  
V/v chính sách thuế GTGT  
dự án ODA

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 19 tháng 8 năm 2019

Kính gửi: Văn phòng dự án V-LEEP tại Hà Nội

Đ/c: Tầng 13, Tháp Hà Nội, 49 Hai Bà Trưng, P.Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn  
Kiếm, TP Hà Nội, MST: 0108465882

Cục Thuế TP Hà Nội nhận được công văn số 29-2019/VLEEP ngày 24/6/2019 bổ sung hồ sơ cho công văn số công văn số 25-2019/V-LEEP ghi ngày 30/5/2019 của Văn phòng dự án V-LEEP tại Hà Nội (sau đây gọi là Văn phòng dự án) hỏi về hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA viện trợ không hoàn lại, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Căn cứ Thông tư 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế.

+ Tại Khoản 1 Điều 2 quy định về đối tượng áp dụng như sau:

“Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người nộp thuế là các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân sau:

...

d) Tổ chức được thành lập bởi cơ quan có thẩm quyền không có hoạt động sản xuất, kinh doanh nhưng phát sinh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (sau đây gọi là Tổ chức khác).

đ) Tổ chức, cá nhân không phát sinh nghĩa vụ thuế nhưng được hoàn thuế, gồm: Tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức ở Việt Nam sử dụng tiền viện trợ nhân đạo, viện trợ không hoàn lại của nước ngoài mua hàng hoá, dịch vụ có thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam để viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo; các cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan lãnh sự và cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng đối với đối tượng hưởng ưu đãi miễn trừ ngoại giao; Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế giá trị gia tăng, Văn phòng đại diện nhà tài trợ dự án ODA (sau đây gọi là Tổ chức khác).

e) Tổ chức nước ngoài không có tư cách pháp nhân tại Việt Nam, cá nhân nước ngoài hành nghề độc lập kinh doanh tại Việt Nam phù hợp với pháp luật Việt Nam có thu nhập phát sinh tại Việt Nam (sau đây gọi là nhà thầu nước ngoài) hoặc có phát sinh nghĩa vụ thuế tại Việt Nam.

...”

+ Tại Tiết b Khoản 3 Điều 5 hướng dẫn về cấp và sử dụng mã số thuế:

“3. Cấp mã số thuế trong một số trường hợp cụ thể

...

b) Cấp mã số thuế cho nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế:

Nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài đăng ký nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế thì được cấp mã số thuế 10 số theo từng hợp đồng thầu đã ký.

Trường hợp nhà thầu nước ngoài liên danh với các tổ chức kinh tế Việt Nam để tiến hành kinh doanh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng thầu và các bên tham gia liên danh thành lập ra Ban Điều hành liên danh, Ban Điều hành thực hiện hạch toán kế toán, có tài Khoản tại ngân hàng và chịu trách nhiệm phát hành hóa đơn; hoặc tổ chức kinh tế Việt Nam tham gia liên danh chịu trách nhiệm hạch toán chung và chia lợi nhuận cho các bên tham gia liên danh thì Ban Điều hành liên danh, hoặc tổ chức kinh tế Việt Nam được cấp mã số thuế 10 số để kê khai, nộp thuế, quyết toán thuế cho hợp đồng nhà thầu theo quy định của pháp luật về thuế hiện hành.”

+ Tại Khoản 1 Điều 6 hướng dẫn:

“Điều 6. Thời hạn thực hiện đăng ký thuế của người nộp thuế

Người nộp thuế có trách nhiệm thực hiện đăng ký thuế theo đúng thời hạn quy định tại Điều 22 Luật quản lý thuế, cụ thể như sau:

1. Các tổ chức kinh tế, tổ chức khác có hoạt động sản xuất kinh doanh phải thực hiện đăng ký thuế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ:

...

- Ngày ký hợp đồng nhận thầu đối với nhà thầu, nhà thầu phụ nước ngoài kê khai nộp thuế trực tiếp với cơ quan thuế.

...

- Căn cứ Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 06/08/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam:

+ Tại Điều 8, Điều 9, Điều 10 Mục 2 hướng dẫn nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, nộp thuế TNDN trên cơ sở kê khai doanh thu, chi phí để xác định thu nhập chịu thuế (sau đây gọi tắt là phương pháp kê khai):

“Điều 8. Đối tượng và điều kiện áp dụng

Nhà thầu nước ngoài, Nhà thầu phụ nước ngoài nộp thuế theo hướng dẫn tại Mục 2 Chương II nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau:

1. Có cơ sở thường trú tại Việt Nam, hoặc là đối tượng cư trú tại Việt Nam;

2. Thời hạn kinh doanh tại Việt Nam theo hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ từ 183 ngày trở lên kể từ ngày hợp đồng nhà thầu, hợp đồng nhà thầu phụ có hiệu lực;

3. Áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và thực hiện đăng ký thuế, được cơ quan thuế cấp mã số thuế.

## *Điều 9. Thuế giá trị gia tăng*

*Thực hiện theo quy định của Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn thi hành.*

## *Điều 10. Thuế thu nhập doanh nghiệp*

*Thực hiện theo quy định của Luật Thuế TNDN và các văn bản hướng dẫn thi hành."*

- Căn cứ Khoản 3 Điều 1 Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/08/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Điều 18 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính như sau:

*"6. Hoàn thuế GTGT đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) không hoàn lại hoặc viện trợ không hoàn lại, viện trợ nhân đạo.*

*a) Đối với dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại: chủ chương trình, dự án hoặc nhà thầu chính, tổ chức do phía nhà tài trợ nước ngoài chỉ định việc quản lý chương trình, dự án được hoàn lại số thuế GTGT đã trả đối với hàng hoá, dịch vụ mua ở Việt Nam để sử dụng cho chương trình, dự án."*

- Căn cứ Thông tư 181/2013/TT-BTC ngày 03/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách thuế và ưu đãi thuế đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ:

+ Tại Điều 1 về phạm vi điều chỉnh như sau:

*"Điều 1. Phạm vi điều chỉnh*

*1. Thông tư này áp dụng đối với các chương trình, dự án sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (dưới đây gọi chung là các dự án ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ, được cấp có thẩm quyền phê duyệt.*

*2. Các loại thuế áp dụng đối với dự án ODA và dự án sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ theo hướng dẫn tại Thông tư này bao gồm: thuế xuất khẩu (XK), thuế nhập khẩu (NK), thuế tiêu thụ đặc biệt (TTDB), thuế giá trị gia tăng (GTGT), thuế thu nhập cá nhân (TNCN), thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) và các loại thuế, phí và lệ phí khác."*

+ Tại Điều 3 hướng dẫn:

*"Điều 3. Giải thích từ ngữ*

...

*- "Nhà thầu chính" là các tổ chức, cá nhân trực tiếp ký hợp đồng với Chủ dự án ODA, vốn vay ưu đãi hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án ODA, vốn vay ưu đãi để xây lắp công trình hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho dự án ODA, vốn vay ưu đãi. Nhà thầu chính bao gồm Nhà thầu chính nước ngoài và Nhà thầu chính Việt Nam.*

*- "Nhà thầu phụ" là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng trực tiếp với Nhà thầu chính để thực hiện một phần công việc của hợp đồng Nhà thầu chính ký với Chủ*

dự án ODA, vốn vay ưu đãi hoặc nhà tài trợ vốn cho dự án ODA, vốn vay ưu đãi. Nhà thầu phụ bao gồm Nhà thầu phụ nước ngoài và Nhà thầu phụ Việt Nam.”

+ Tại Điều 5 Mục 1 Chương II hướng dẫn chính sách thuế đối với chủ Dự án như sau:

*"Điều 5. Chính sách thuế đối với Chủ dự án*

*...2. Thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam.*

*a) Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại được hoàn lại số thuế GTGT đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam nếu hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT và Chủ dự án không được Ngân sách Nhà nước cấp vốn để trả thuế GTGT. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì Chủ dự án không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký với nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT.*

*Ví dụ 1: Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại A đã được cấp có thẩm quyền duyệt ký hợp đồng thầu xây dựng công trình Bệnh viện Nhi với giá thầu chưa có thuế GTGT là 4 tỷ đồng và thuế GTGT là 400 triệu đồng (thuế suất 10%), tổng trị giá bao gồm cả thuế GTGT là 4,4 tỷ đồng. Ngoài ra, Chủ dự án nói trên được phê duyệt để ký hợp đồng thầu mua hàng hóa, dịch vụ khác với giá thầu chưa có thuế GTGT là 100 triệu đồng và thuế GTGT là 10 triệu đồng, tổng giá trị bao gồm cả thuế GTGT là 110 triệu đồng.*

*- Trường hợp 1: Chủ dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán thuế GTGT:*

*Chủ dự án ODA nói trên được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả cho hợp đồng xây dựng công trình và các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ trong nước là 410 (400+10) triệu đồng.*

*- Trường hợp 2: Chủ dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán thuế GTGT:*

*Chủ dự án ODA nói trên không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả cho hợp đồng xây dựng công trình và các hợp đồng mua hàng hóa, dịch vụ trong nước; kể cả trong trường hợp hợp đồng ký với nhà thầu chính với giá không bao gồm thuế GTGT.*

*b) Trường hợp nhà tài trợ thành lập văn phòng đại diện của nhà tài trợ tại Việt Nam và trực tiếp mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại hoặc giao cho Chủ dự án ODA thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại thì nhà tài trợ được hoàn lại số thuế GTGT đã trả. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này."*

+ Tại Điều 6 Mục 1 Chương II hướng dẫn chính sách thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án như sau:

"Điều 6. Chính sách thuế đối với nhà thầu chính, nhà thầu phụ thực hiện dự án

...  
2. Thuế GTGT, thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác đối với cung cấp hàng hóa, dịch vụ tại Việt Nam.

a) Nhà thầu chính cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại phải nộp thuế GTGT (nếu hợp đồng ký bao gồm thuế GTGT), thuế TNDN và các loại thuế, phí, lệ phí khác theo quy định của luật pháp thuế, phí, lệ phí.

...  
d) Trường hợp nhà thầu chính (không phân biệt nhà thầu chính là đối tượng nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ hay phương pháp trực tiếp) ký hợp đồng với Chủ dự án ODA hoặc Nhà tài trợ để thực hiện dự án ODA viện trợ không hoàn lại với giá không bao gồm thuế GTGT và dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính được hoàn lại số thuế GTGT đầu vào đã trả khi mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng ký với Chủ dự án, Nhà tài trợ. Việc hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 8 Thông tư này. Trường hợp dự án được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để trả thuế GTGT thì nhà thầu chính không được hoàn thuế GTGT đầu vào đã trả đối với hàng hóa, dịch vụ mua tại Việt Nam không phân biệt hợp đồng ký giữa chủ dự án và nhà thầu chính được phê duyệt bao gồm thuế GTGT hay không bao gồm thuế GTGT. Nhà thầu chính phải khai, nộp thuế GTGT theo quy định của Luật Thuế GTGT và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

...  
Nhà thầu chính phải hạch toán riêng thuế GTGT đầu vào mua hàng hóa, dịch vụ để thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa, dịch vụ ký với Chủ dự án hoặc nhà tài trợ của dự án ODA viện trợ không hoàn lại. Trường hợp không hạch toán riêng được thuế GTGT đầu vào thì:

Trường hợp nhà thầu chính nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì không được hoàn thuế GTGT.

Trường hợp nhà thầu chính nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thì nhà thầu chính thực hiện khai, khấu trừ, hoàn thuế GTGT theo quy định tại Luật Thuế GTGT, Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

...

+ Tại Điều 8 hướng dẫn như sau:

"Điều 8. Thủ tục, hồ sơ hoàn thuế GTGT đối với Chủ dự án ODA viện trợ không hoàn lại, đại diện nhà tài trợ và nhà thầu chính thuộc diện được hoàn thuế GTGT

1. Thủ tục đăng ký thuế và cấp mã số thuế của Chủ dự án ODA, nhà tài trợ, nhà thầu chính thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Hồ sơ hoàn thuế GTGT, thời hạn kê khai thuế GTGT đầu vào, tổ chức tiếp nhận hồ sơ và thực hiện hoàn thuế GTGT thực hiện theo hướng dẫn tại Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Tại hồ sơ hoàn thuế GTGT gửi cho cơ quan thuế, nhà thầu chính phải ghi rõ tên dự án ODA, tên Chủ dự án ODA và địa chỉ liên lạc của Chủ dự án ODA theo đường bưu điện.

... ”

- Căn cứ Điều 50 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA như sau:

“Điều 50. Hoàn thuế GTGT đối với dự án ODA

1. Đối với Chủ dự án và Nhà thầu chính

a) Nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT

Chủ dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi Cục Thuế quản lý trực tiếp địa bàn nơi thực hiện dự án vào bất kỳ thời điểm nào khi phát sinh số thuế GTGT đầu vào được hoàn trong thời gian thực hiện dự án; trường hợp dự án ODA có liên quan đến nhiều tỉnh thì hồ sơ hoàn thuế GTGT gửi Cục Thuế quản lý trực tiếp nơi chủ dự án đóng trụ sở chính.

Nhà thầu nước ngoài thực hiện dự án ODA thuộc diện được hoàn thuế GTGT nộp hồ sơ đề nghị hoàn thuế GTGT gửi cơ quan thuế nơi nộp hồ sơ khai thuế.

b) Hồ sơ hoàn thuế GTGT

- Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu Ngân sách nhà nước theo mẫu 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Bảng kê hóa đơn, chứng từ hàng hóa dịch vụ mua vào mẫu số 01-1/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư này;

- Quyết định của cấp có thẩm quyền về việc phê duyệt dự án sử dụng vốn ODA không hoàn lại, dự án sử dụng vốn ODA vay ưu đãi được ngân sách nhà nước cấp phát (bản chụp có đóng dấu và chữ ký xác nhận của người có thẩm quyền của dự án). Trường hợp hoàn thuế nhiều lần thì chỉ xuất trình lần đầu.

.- Xác nhận của cơ quan chủ quản dự án ODA về hình thức cung cấp dự án ODA là ODA không hoàn lại hay ODA vay được ngân sách nhà nước cấp phát ưu đãi thuộc đối tượng được hoàn thuế giá trị gia tăng (bản chụp có xác nhận của cơ sở) và việc không được ngân sách nhà nước cấp vốn đối ứng để trả thuế giá trị gia tăng. Người nộp thuế chỉ phải nộp tài liệu này với hồ sơ hoàn thuế lần đầu của dự án.

Trường hợp nhà thầu chính lập hồ sơ hoàn thuế thì ngoài những tài liệu nêu tại điểm này, còn phải có xác nhận của chủ dự án về việc dự án không được ngân sách nhà nước bố trí vốn đối ứng để thanh toán cho nhà thầu theo giá có

*thuế giá trị gia tăng; giá thanh toán theo kết quả thầu không có thuế giá trị gia tăng và đề nghị hoàn thuế cho nhà thầu chính.*

Căn cứ các quy định trên và theo hồ sơ, trình bày của Văn phòng dự án tại công văn hỏi, Cục Thuế TP Hà Nội có ý kiến như sau:

- Đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào trước thời điểm dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Không đủ cơ sở để hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ dự án ODA.

- Đối với hàng hóa, dịch vụ mua vào phục vụ dự án ODA được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án:

+ Trường hợp Deloitte Consulting LLP (trụ sở tại Hoa Kỳ) được chỉ định là nhà thầu chính của dự án “Chương trình năng lượng phát thải thấp Việt Nam”. Trường hợp Dự án ODA việc trợ không hoàn lại có cơ cấu vốn một phần là nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại, một phần là vốn đối ứng từ Ngân sách Nhà Nước (phần vốn này được quy định để thực hiện một phần công việc của Dự án nhưng không được quy định để trả thuế GTGT) thì:

Nhà thầu chính được hoàn thuế GTGT đối với hàng hóa, dịch vụ được mua từ phần nguồn vốn ODA viện trợ không hoàn lại để phục vụ Dự án nếu hợp đồng ký giữa Chủ dự án và Nhà thầu chính không bao gồm thuế GTGT theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 181/2013/TT-BTC nêu trên. Nhà thầu chính đăng ký mã số thuế theo hướng dẫn tại Khoản 1 Điều 6 Thông tư 95/2016/TT-BTC và sử dụng mã số thuế được cấp để mua hàng hóa, dịch vụ phục vụ Dự án và thực hiện thủ tục hoàn thuế GTGT.

Thủ tục, hồ sơ hoàn thuế GTGT được thực hiện theo hướng dẫn tại Điều 50 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính nêu trên.

- Theo quy định hiện hành, chưa có quy định về việc hoàn thuế đối với Văn phòng Dự án của Nhà thầu chính.

Đề nghị Văn phòng dự án căn cứ tình hình thực tế, đối chiếu với các quy định có liên quan để thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị Văn phòng dự án liên hệ phòng Thanh tra Kiểm tra thuế số 4 (Cục Thuế TP Hà Nội) để được hướng dẫn.

Cục Thuế TP Hà Nội trả lời để Văn phòng dự án được biết và thực hiện.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Phòng TKT4;
- Phòng KK-KTT;
- Phòng DTPC;
- Lưu: VT, TTHT(2). (7,3)



**Mai Sơn**